

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2017

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng.

2. Ông Diệp Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị H**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Triệu B**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 146, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:

Vào năm 2008, bà H và ông Triệu B tự nguyện làm đám cưới, đến ngày 07/02/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01/2013. Thời gian đầu, bà H và ông B chung sống rất hạnh phúc đến tháng 6 năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ông B bỏ nhà đi cho đến tháng 11 năm 2011 thì ông B quay về chung sống và tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Đến tháng 6 năm 2014, ông B lại bỏ nhà đi trong khi bà H đang mang thai. Bà H đã nhiều lần liên lạc thuyết phục ông B suy nghĩ lại trở về với bà và con nhưng không được. Bà H nhận thấy ông B không còn tình cảm với bà nên bà H quyết định chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông B. Bà H và ông B sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, bà và ông B có 02 con chung tên Triệu Thị Na R, sinh ngày 10/10/2009 và Triệu Chanh Cô M, sinh ngày 10/01/2015, hiện nay hai cháu đang sống chung với bà H. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay bà Lâm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Triệu B.
- Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Triệu Thị Na R, sinh ngày 10/10/2009 và Triệu Chanh Cô M, sinh ngày 10/01/2015 đến tròn 18 tuổi và bà yêu cầu ông Triệu B cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là 605.000 đồng/01 cháu/tháng, tính từ tháng 6 năm 2017.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 94/TB-TLVA ngày 29 tháng 5 năm 2017, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Triệu B, nhưng ông B không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được lưu hồ sơ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Triệu Thị Na R, sinh ngày 10/10/2009 và Triệu Chanh Cô M, sinh ngày 10/01/2015 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu

khởi kiện là không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] - Đối với bị đơn ông Triệu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Triệu B.

[3] - Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Triệu B, yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Triệu B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1990 và ông Triệu B, sinh năm 1988 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2013 ngày 07/02/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị H và ông Triệu B là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà H, ông B hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 6 năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ông B bỏ nhà đi, sau đó, ông, bà có hàn gắn tình cảm lại với nhau. Đến tháng 6/2014, ông B tiếp tục bỏ nhà đi cho đến nay và ông, bà đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông B trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[6] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Triệu Thị Na R, sinh ngày 10/10/2009 và Triệu Chanh Cô M, sinh ngày 10/01/2015 đến tròn 18 tuổi. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà H, xét thấy, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 27/6/2017, cháu Triệu Thị Na R thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà H; cháu Triệu Chanh Cô M, sinh ngày 10/01/2015 hiện nay cháu dưới 36 tháng tuổi nên

căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay hai cháu Triệu Thị Na R và Triệu Chanh Cô M đang sống chung với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc nên về mặt tình cảm hai cháu gắn bó với bà H nhiều hơn và cũng để cho hai cháu ổn định cuộc sống nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao hai cháu Triệu Thị Na R và Triệu Chanh Cô M cho bà H nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, ông Triệu B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Triệu B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà H.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bà Lâm Thị H là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị H và ông Triệu B được ly hôn.
2. Về con chung: Giao hai cháu Triệu Thị Na R, sinh ngày 10/10/2009 và Triệu Chanh Cô M, sinh ngày 10/01/2015 cho bà Lâm Thị H nuôi dưỡng đến

tròn 18 tuổi. Ông Triệu B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Triệu B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lâm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006320 ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Lâm Thị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn